

Bản án số: 146/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v L hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng phương

Ông Nguyễn Đức Kha

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “L hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐ-ST ngày 29/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Quang T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn:Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của chị H tại Việt Nam: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin L hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Ngô Quang T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị H được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 31/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y,

tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng anh không hợp nhau và không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn phát triển kinh tế. Năm 2010 chị H đi lao động tại nước ngoài đến năm 2023 chị H về nước vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh không cho chị H đi lao động tại nước ngoài nữa nhưng chị H tiếp tục đi lao động tại nước ngoài mà không bàn bạc với anh. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Ngô Quang K, sinh ngày 21/10/2001 và Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008. Hiện cháu K đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có nguyện vọng nuôi cháu L, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu L.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giải trình, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành xác minh với người thân của chị H là bà Nguyễn Thị Lý (mẹ đẻ chị H), sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Anh T và chị H kết hôn năm 2000, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn không thì bà không biết, đến tết âm lịch năm 2023 chị H về nước để ổn định cuộc sống gia đình nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị H không thể chịu đựng được nữa nên chị H tiếp tục đi lao động tại Đảo Síp. Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Ngô Quang K, sinh ngày 21/10/2001 và Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008, hiện các cháu đang sống cùng với anh T.

Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà L đã thông báo cho chị H biết nhưng chị H không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và từ chối cung cấp địa chỉ hiện tại của chị H tại nước ngoài.

Cháu Nguyễn Thị Cẩm L trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố, nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng bố.

Tại phiên tòa, anh Ngô Quang T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Ngô Quang T, biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị L là mẹ của chị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Quang T.

Về hôn nhân: Anh Ngô Quang T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Ngô Quang T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do chị H lao động nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo Công văn trả lời số:13072/QLXNC-P5 ngày 30/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, chị H xuất nhập cảnh 07 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 28/3/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có bị đơn chị H hiện nay đang ở nước ngoài. Chị H có địa chỉ thường trú cuối cùng khi ở Việt Nam là: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

[2.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Anh Ngô Quang T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Ngô Quang T.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà Lý là mẹ chị H, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của chị H trước khi xuất cảnh lần gần nhất ở Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị H thông qua người thân chị H là bà L và đề nghị bà L thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là anh Ngô Quang T và bị đơn là chị Nguyễn Thị H. Bà L cho biết chị H vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị H không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị H tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Quang T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 31/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô Quang T đối với chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T và chị H chung sống với nhau không hạnh phúc, năm 2010 chị H đi lao động tại nước ngoài đến năm 2023 chị H về nước nhằm mục đích ổn định cuộc sống gia đình nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên ngày 28/3/2023 chị H tiếp tục đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh T, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị H, xử cho anh T được ly hôn chị H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Ngô Quang K, sinh ngày 21/10/2001 và cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008. Cháu K đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh T: Hội đồng xét xử thấy hiện cháu K đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008, anh T đề nghị giải quyết giao cháu L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy, chị H đang lao động tại nước ngoài nên không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Cháu L hiện đang sinh sống cùng anh T, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu L cho anh T là người trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi L hôn đến khi con chung trong 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cũng như nguyện vọng của cháu L.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Ngô Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Ngô Quang T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Quang T.

1. Về hôn nhân: Anh Ngô Quang T được L hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thị Cẩm L, sinh ngày 21/4/2008 cho anh Ngô Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi L hôn, chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Ngô Quang T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000091 ngày 10/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Ngô Quang T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Ngô Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

